

Tổ chức Tài chính Vimedco TNHH MTV Tình Thương

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và báo cáo tài chính theo
các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức
Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán

ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tổ chức Tài chính Vimedco TNHH MTV Tình Thương

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 46



Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THÔNG TIN CHUNG

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương ("TYM") trước đây có tên gọi là Quỹ Tình Thương do Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam thành lập vào năm 1992. Ngày 17 tháng 08 năm 2010, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã cấp phép cho TYM thành lập và hoạt động theo mô hình Tổ chức tài chính vi mô TNHH một thành viên hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật các Tổ chức tín dụng.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương được thành lập theo Giấy Đăng Ký Kinh doanh số 0104971045 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 11 năm 2010, thay đổi lần 3 ngày 09 tháng 10 năm 2013.

TYM được thành lập nhằm thực hiện các hoạt động chính bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các thành viên; tiếp nhận và cho vay bằng nguồn ủy thác theo các chương trình, dự án của Chính phủ, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

TYM có trụ sở chính đặt tại số 20 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, TYM có một (01) Trụ sở chính, mười bảy (17) chi nhánh và hai mươi (20) phòng giao dịch tại 10 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trên cả nước.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 09 tháng 12 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Kim Thúy	Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 17 tháng 08 năm 2010
	Thành viên	Miễn nhiệm vào ngày 09 tháng 12 năm 2013
Bà Hồ Thị Quý	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 09 tháng 12 năm 2013
	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 17 tháng 08 năm 2010
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	Tái bổ nhiệm vào ngày 09 tháng 12 năm 2013
	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 17 tháng 08 năm 2010
Bà Dương Thị Ngọc Linh	Thành viên	Tái bổ nhiệm vào ngày 09 tháng 12 năm 2013
	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 09 tháng 12 năm 2013

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Văn Bắc	Trưởng ban Kiểm soát	Bổ nhiệm vào ngày 17 tháng 08 năm 2010
Ông Nguyễn Bình Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 17 tháng 08 năm 2010
Bà Bùi Thị Diệp	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 17 tháng 08 năm 2010

Tổ chức Tài chính Ví mô TNHH MTV Tình Thương

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và phụ trách Kế toán trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Dương Thị Ngọc Linh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 4 năm 2012
Bà Phạm Thị Thùy Linh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 3 năm 2010
Bà Lê Thị Lan Hương	Trưởng Phòng Kế hoạch và Tài chính	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 05 năm 2011

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của TYM trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này là Bà Dương Thị Ngọc Linh, chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của TYM.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương ("TYM") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của TYM cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của TYM chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của TYM cho từng năm tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho TYM có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng TYM sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của TYM, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của TYM, và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của TYM vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

[Signature]

Bà Dương Thị Ngọc Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2014



Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61078853/16606833

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu
Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương ("TYM") được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014 được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc TYM chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của TYM theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của TYM có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của TYM liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của TYM. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THÀNH
ANH
XUÂN

Ý kiến của Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của TYM tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thùy Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0893-2013-004-01



Nguyễn Chí Cường
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1103-2013-004-1



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2013 VND</i>	<i>31/12/2012 trình bày lại VND</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt tại quỹ	5	2.574.234.153	1.634.139.794
Tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước Việt Nam	6	-	39.363.000.000
Tiền gửi tại các TCTD khác	7	52.702.085.697	60.230.115.656
Cho vay khách hàng		599.014.827.694	481.741.911.385
Cho vay khách hàng	8	601.948.578.000	484.128.742.000
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(2.933.750.306)	(2.386.830.615)
Tài sản cố định		4.447.963.361	6.079.522.055
Tài sản cố định hữu hình	10.1	3.011.017.174	4.540.826.607
Nguyên giá tài sản cố định		4.863.707.315	6.879.658.610
Hao mòn tài sản cố định		(1.852.690.141)	(2.338.832.003)
Tài sản cố định vô hình	10.2	1.436.946.187	1.538.695.448
Nguyên giá tài sản cố định		2.107.881.400	2.068.292.400
Hao mòn tài sản cố định		(670.935.213)	(529.596.952)
Tài sản Có khác	11	6.746.617.525	4.861.072.882
Các khoản phải thu và chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.438.946.900	3.997.914.205
Các khoản lãi, phí phải thu		166.802.651	50.789.400
Tài sản thuê TNDN hoãn lại		-	-
Tài sản Có khác		1.140.867.974	812.369.277
TỔNG TÀI SẢN		665.485.728.430	593.909.761.772

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2013 VNĐ</i>	<i>31/12/2012 trình bày lại VNĐ</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Tiền gửi của khách hàng	12	288.550.195.700	223.283.039.377
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	13	143.148.577.224	169.599.553.718
Các khoản nợ khác		43.224.234.844	33.669.762.253
Các khoản lãi, phí phải trả		5.188.968.589	5.811.439.468
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
Các khoản phải trả khác	14	38.035.266.255	27.858.322.785
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		474.923.007.768	426.552.355.348
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ	16	190.562.720.662	168.269.393.614
Vốn	16	135.765.912.008	129.401.195.519
Vốn điều lệ		135.765.912.008	78.931.303.479
Vốn khác		-	50.469.892.040
Các quỹ dự trữ	16	54.796.808.654	38.868.198.095
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)		-	(911.987.190)
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		190.562.720.662	167.357.406.424
TỔNG NỢ PHẢI TRÀ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		665.485.728.430	593.909.761.772

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Cẩm Lý
Kế toán viên

Bà Lê Thị Lan Hương
Trưởng phòng Kế hoạch và
Tài chính

Bà Dương Thị Ngọc Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2013 VNĐ</i>	<i>Năm 2012 trình bày lại VNĐ</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	17	134.420.647.154	122.622.170.897
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	18	(22.075.735.834)	(26.001.372.972)
Thu nhập lãi thuần		112.344.911.320	96.620.797.925
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		267.284.460	939.593.961
Chi phí từ hoạt động dịch vụ		(606.949.708)	(421.873.250)
(Lỗ)/Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		(339.665.248)	517.720.711
Thu nhập từ hoạt động khác	19	6.988.771.691	2.346.977.779
Chi phí từ hoạt động khác	20	(3.088.370.043)	(6.772.418.355)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác		3.900.401.648	(4.425.440.576)
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		115.905.647.720	92.713.078.060
Chi phí nhân viên		(52.461.000.000)	(44.651.176.791)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(950.931.054)	(1.039.533.751)
Chi phí hoạt động khác	21	(25.352.298.139)	(14.856.586.947)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(78.764.229.193)	(60.547.297.489)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		37.141.418.527	32.165.780.571
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9	(565.105.991)	(367.656.943)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		36.576.312.536	31.798.123.628
Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
Tổng chi phí thuế TNDN	15	-	-
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		36.576.312.536	31.798.123.628

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Cẩm Ly
Kế toán viên

Bà Lê Thị Lan Hương
Trưởng phòng Kế hoạch và
Tài chính

Bà Dương Thị Ngọc Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2013 VNĐ</i>	<i>Năm 2012 trình bày lại VNĐ</i>
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế		36.576.312.536	31.798.123.628
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định		950.931.054	1.055.726.353
Dự phòng rủi ro tín dụng		565.105.991	367.656.943
Lãi và phí phải thu trong kỳ		(166.802.651)	(50.789.400)
Lãi và phí phải trả trong kỳ		5.188.968.589	5.811.439.468
Lỗ do thanh lý tài sản		66.019.480	-
Chênh lệch tỷ giá hồi đoái chưa thực hiện		33.879.648	-
Các điều chỉnh khác		445.659.056	-
<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>			
(Tăng) các khoản cho vay khách hàng		(117.819.836.000)	(64.258.310.985)
Giảm lãi, phí phải thu		50.789.400	-
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(18.186.300)	-
(Tăng) khác về tài sản hoạt động		(1.215.322.728)	(1.869.413.388)
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>			
Tăng tiền gửi khách hàng		65.267.156.323	100.896.738.433
Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay		(26.450.976.494)	(15.724.732.172)
Giảm lãi, phí phải trả		(5.811.439.468)	-
Giảm khác về công nợ hoạt động		(3.227.934.476)	(18.084.928.252)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập		(45.565.676.040)	39.941.510.628
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(4.417.051.260)
Chi từ các quỹ của TYM		-	(4.217.905.542)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(45.565.676.040)	31.306.553.826

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2013 VNĐ</i>	<i>Năm 2012 trình bày lại VNĐ</i>
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(385.259.560)	(955.192.600)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(385.259.560)	(955.192.600)
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	50.158.592.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	50.158.592.400
Lưu chuyển tiền (sử dụng)/thuần trong năm		(45.950.935.600)	80.509.953.626
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm		101.227.255.450	20.717.301.824
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	22	55.276.319.850	101.227.255.450

Người lập:

Bà Nguyễn Cẩm Lý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Lan Hương
Trưởng phòng Kế hoạch và
Tài chính



Người phê duyệt:

TỔ CHỨC

TÀI CHÍNH VI MÔ

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

MỘT THÀNH VIÊN

TỈNH THƯỢNG

ĐI TÂY HỘI GIANG

Bà Dương Thị Ngọc Linh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TYM

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương là tổ chức tài chính vi mô được thành lập và hoạt động tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương ("TYM") trước đây có tên gọi là Quỹ Tình Thương do Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam thành lập vào năm 1992. Ngày 17 tháng 08 năm 2010, Ngân hàng nhà nước đã cấp phép cho đơn vị thành lập và hoạt động theo mô hình Tổ chức TNHH một thành viên hoạt động theo quy định của luật doanh nghiệp và luật các Tổ chức tín dụng.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương được thành lập theo Giấy Đăng Ký Kinh doanh số 0104971045 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 11 năm 2010, thay đổi lần 3 ngày 09 tháng 10 năm 2013.

TYM được thành lập nhằm thực hiện các hoạt động chính bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các thành viên; tiếp nhận và cho vay bằng nguồn ủy thác theo các chương trình, dự án của Chính phủ, Tổ chức cá nhân trong và ngoài nước; và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ của TYM tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 135.765.912.008 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 78.931.303.479 đồng vốn điều lệ và 50.469.892.040 đồng vốn khác).

Mạng lưới hoạt động

TYM có trụ sở chính đặt tại số 20 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, TYM có một (01) Trụ sở chính, mươi bảy (17) chi nhánh và hai mươi (20) phòng giao dịch tại 10 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của TYM vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 377 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 362 người).

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán năm của TYM bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của TYM là đồng Việt Nam ("VND hoặc "đồng").

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 *Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam*

Ban Tổng Giám đốc của TYM đã xác định báo cáo tài chính định kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam.

3.2 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của TYM được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thủ trưởng NHNN Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định 479/2004/QĐ-NHNN, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thủ trưởng NHNN và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không được cung cấp các thông tin về các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam, và ngoài ra báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của TYM theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thế giới bên ngoài Việt Nam.

3.3 *Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng*

Việc trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc TYM đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của TYM và nhận thấy TYM có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của TYM. Do vậy, báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán TYM sử dụng để lập báo cáo tài chính này được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

- (i) Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013. Theo qui định của Thông tư này, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:
- ▶ Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
 - ▶ Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
 - ▶ Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

Theo đó, đối với các tài sản cố định doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao tại ngày 11 tháng 06 năm 2013 theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư này thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của TYM trong thời hạn không quá 3 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, tiền gửi thanh toán với Kho bạc Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các Tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

4.2 Các khoản cho vay thành viên

Các khoản cho vay thành viên được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Thành viên của TYM là những đối tượng đáp ứng điều kiện: là hộ nghèo theo quy định của Chính phủ; cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp: mức thu nhập bình quân/người/tháng lớn hơn mức thu nhập của hộ nghèo theo quy định của Chính phủ và nhỏ hơn hoặc bằng 2.600.000 VNĐ, ưu tiên hộ nghèo, phụ nữ yếu thế; doanh nghiệp siêu nhỏ.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Dự phòng rủi ro tín dụng

Phân loại nợ

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 15/2010/TT-NHNN ban hành ngày 16 tháng 06 năm 2010 quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay hoạt động của các tổ chức tài chính quy mô nhỏ. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn của khoản cho vay, cụ thể như sau:

Nhóm 1: Nợ đủ tiêu chuẩn

- Các khoản nợ trong hạn và TYM đánh giá là có đầy đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng thời hạn;
- Các khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và TYM đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng thời hạn còn lại.

Nhóm 2: Nợ cần chú ý

- Các khoản nợ quá hạn từ 10 đến dưới 30 ngày;
- Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu mà TYM đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng kì hạn được điều chỉnh lần đầu.

Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn

- Các khoản nợ quá hạn từ 30 đến dưới 90 ngày;
- Các khoản nợ cơ cấu lại thời gian trả nợ lần đầu quá hạn dưới 30 ngày theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần đầu;
- Các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng.

Nhóm 4: Nợ nghi ngờ

- Các khoản nợ quá hạn từ 90 đến 180 ngày;
- Các khoản nợ cơ cấu lại thời gian trả nợ lần đầu quá hạn từ 30 đến dưới 90 ngày tính theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu;
- Các khoản nợ cơ cấu lại thời gian trả nợ lần thứ 2.

Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn

- Các khoản nợ quá hạn trên 180 ngày;
- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu mà quá hạn từ 90 ngày trở lên tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần đầu;
- Các khoản nợ được cơ cấu lại lần 2 mà quá hạn tính theo thời hạn đã trả hoặc được cơ cấu lại lần hai;
- Các khoản nợ cơ cấu lại lần ba trở lên kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn;
- Nợ khoanh và các khoản nợ chờ xử lý.

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Theo Thông tư số 15/2010/TT-NHNN, các khoản cho vay sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối mỗi quý cho 3 quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho Quý 4 trong năm tài chính.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	2%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	25%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm. Giá trị của các loại tài sản đảm bảo khoản vay được khấu trừ vào dư nợ gốc trước khi tính dự phòng cụ thể theo Thông tư 15/2010/TT-NHNN.

Dự phòng chung

Theo Thông tư 15/2010/TT-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tài chính vi mô khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, TYM phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,50% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Thông tư số 15/2010/TT-NHNN, Tổ chức thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà TYM phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà TYM phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

Quyền sử dụng đất của TYM được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

4.7 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động của TYM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí hoạt động" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính phát hành vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 *Ghi nhận thu nhập và chi phí*

Thu nhập từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư số 15/2010/TT-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi TYM thực hiện.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được ghi nhận khi dịch vụ cung cấp được thực hiện.

4.9 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Theo hệ thống kế toán của TYM, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của TYM được hạch toán theo nguyên tắc. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 13 tại Thuyết minh số 30). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của TYM được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VNĐ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.10 *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của TYM sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

TYM chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi TYM có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và TYM dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.11 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được bù trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán chỉ khi TYM có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và TYM dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC, các tổ chức tín dụng được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Tổ chức tín dụng tự xác định mức trích lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ theo quy định trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trong thời hạn 5 năm, kể từ khi trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích thì TYM phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tổ chức và hoạt động của quỹ được thực hiện theo Thông tư 15/2011/TT-BTC ngày 09 tháng 2 năm 2011 và Thông tư số 105/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 15.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được hạch toán vào chi phí hoạt động của TYM để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, TYM đã trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với mức trích 10,00% lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 tương đương 3.271.011.082 đồng.

4.13 Lợi ích của nhân viên

4.13.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên TYM khi nghỉ hưu được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. TYM đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% lương cơ bản hàng tháng.

4.13.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, TYM có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, TYM có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, TYM có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc, mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Mặc dù nghĩa vụ quy định tại Điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 07 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64/1999/TT-BTC, TYM phải tính toán trợ cấp mất việc làm cho nhân viên bằng 3,0%/năm trên lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 10,00% của lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ theo Thông tư 64 nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư số 82/2003/TT-BTC.

Trong năm 2013, TYM đã ngừng trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm và hoàn nhập toàn bộ số dư của Quỹ dự phòng mất việc làm vào thu nhập trong năm theo qui định của Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

4.13.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, TYM có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

5. TIỀN MẶT TẠI QUỸ

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền mặt bằng VNĐ	2.574.234.153	1.634.139.794
Tiền mặt bằng ngoại tệ	-	-
	2.574.234.153	1.634.139.794

6. TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền gửi thanh toán tại Kho bạc Nhà nước Việt Nam	-	39.363.000.000
	-	39.363.000.000

7. TIỀN GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn		
- Bằng VNĐ (*)	31.035.087.022	3.899.245.171
- Bằng ngoại tệ	3.996.664.378	828.721.082
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Bằng VNĐ	17.670.334.297	55.502.149.403
- Bằng ngoại tệ	-	-
	52.702.085.697	60.230.115.656

(*) Tiền gửi không kỳ hạn bằng Việt Nam đồng bao gồm tiền của quỹ tương trợ thành viên, chi tiết xem thuyết minh số 14.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Cho vay thành viên	601.832.523.000	483.698.101.000
Cho vay khác	116.055.000	430.641.000
	601.948.578.000	484.128.742.000

8.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Nợ đủ tiêu chuẩn	601.748.525.000	483.995.673.000
Nợ cần chú ý	91.243.000	25.400.000
Nợ dưới tiêu chuẩn	26.546.000	-
Nợ nghi ngờ	39.387.000	48.629.000
Nợ có khả năng mất vốn	42.877.000	59.040.000
	601.948.578.000	484.128.742.000

8.2 Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Nợ ngắn hạn	66.870.167.000	397.223.730.000
Nợ trung hạn	535.078.411.000	86.905.012.000
	601.948.578.000	484.128.742.000

8.3 Phân tích dư nợ cho vay theo mục đích vay

	31/12/2013 VNĐ	%	31/12/2012 VNĐ	%
Vay vốn chung	2.551.687.000	0,42	481.911.043.000	99,54
Vốn tiêu dùng	47.399.020.000	7,87	-	0,00
Vốn chính sách	16.919.460.000	2,81	-	0,00
Vốn hỗ trợ xây dựng, sửa chữa	53.462.661.000	8,88	-	0,00
Vốn tháng	38.224.000	0,01	789.268.000	0,16
Vốn phát triển kinh tế	481.461.471.000	79,98	-	0,00
Vốn vay đa mục đích	0,00	0,00	997.790.000	0,21
Cho vay khác	116.055.000	0,03	430.641.000	0,09
	601.948.578.000	100	484.128.742.000	100

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. THAY ĐỔI CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

TYM thực hiện việc phân loại nợ theo Thông tư 15/2010/TT-NHNN ban hành ngày 16 tháng 06 năm 2010. Theo đó hàng năm dự phòng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 được trích lập dựa trên kết quả phân loại nợ cho vay tại ngày 30 tháng 11.

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2013 và 2012 như sau:

	Dự phòng cụ thể VNĐ	Dự phòng chung VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	44.682.350	1.974.491.322	2.019.173.672
Trích lập trong năm	17.778.725	349.878.218	367.656.943
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	62.461.075	2.324.369.540	2.386.830.615
Trích lập trong năm	5.355.931	559.750.060	565.105.991
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	(18.186.300)	-	(18.186.300)
Số dư tại ngày 30 tháng 11 năm 2013	49.630.706	2.884.119.600	2.933.750.306
Số dư dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	49.630.706	2.884.119.600	2.933.750.306

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2013 và dự phòng rủi ro các khoản
cho vay tương ứng cần phải trích lập theo Thông tư 15/2010/TT-NHNN ngày 16 tháng 06
năm 2010 của TYM như sau:

Phân loại	Dư nợ cho vay (*) VNĐ	Dự phòng cụ thể VNĐ	Dự phòng chung VNĐ	Tổng số dự phòng VNĐ
Nợ đủ tiêu chuẩn	576.649.320.000	-	2.883.246.600	2.883.246.600
Nợ cần chú ý	119.157.000	1.683.046	595.800	2.278.846
Nợ dưới tiêu chuẩn	55.440.000	9.251.650	277.200	9.528.850
Nợ nghi ngờ	-	-	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	42.877.000	38.696.010	-	38.696.010
	576.866.794.000	49.630.706	2.884.119.600	2.933.750.306

(*): Số dư tại ngày 30 tháng 11 năm 2013.

Tổ chức Tài chính Ví mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

10.1 Tài sản cố định hữu hình

Biển động của tài sản cố định hữu hình trong năm 2013 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.765.037.207	983.884.710	12.339.800	3.074.305.393	44.091.500	6.879.658.610
Mua trong năm	-	132.160.480	-	197.424.080	-	329.584.560
Phân loại lại	-	(536.233.150)	(12.339.800)	536.233.150	12.339.800	-
Thanh lý, nhượng bán	(68.030.480)	(151.889.000)	-	(290.862.296)	(31.402.300)	(542.184.076)
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	(306.743.740)	-	(1.471.579.039)	(25.029.000)	(1.803.351.779)
Số dư cuối năm	2.697.006.727	121.179.300	-	2.045.521.288	-	4.863.707.315
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu năm	455.221.357	408.035.638	3.693.473	1.455.461.110	16.420.425	2.338.832.003
Khấu hao trong kỳ	269.700.612	103.315.226	411.327	342.924.680	5.867.659	722.219.504
Phân loại lại	-	(190.996.304)	(4.104.800)	190.996.304	4.104.800	-
Thanh lý, nhượng bán	(52.948.000)	(128.249.500)	-	(290.862.296)	(4.104.800)	(476.164.596)
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	(94.610.911)	-	(626.836.304)	(22.288.084)	(743.735.299)
Giảm khác	-	-	-	11.538.529	-	11.538.529
Số dư cuối năm	671.973.969	97.494.149	-	1.083.222.023	-	1.852.690.141
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Số dư đầu năm	2.309.815.850	575.849.072	8.646.327	1.618.844.283	27.671.075	4.540.826.607
Số dư cuối năm	2.025.032.758	23.685.151	-	962.299.265	-	3.011.017.174

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

10.2 Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm 2013 như sau:

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	TSCĐ vô hình khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	963.706.400	1.104.586.000	-	2.068.292.400
Mua trong năm	-	-	55.675.000	55.675.000
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	(16.086.000)	-	(16.086.000)
Số dư cuối năm	963.706.400	1.088.500.000	55.675.000	2.107.881.400
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Số dư đầu năm	199.181.264	330.415.688	-	529.596.952
Khấu hao trong năm	25.683.544	199.934.950	3.093.056	228.711.550
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	(12.704.952)	-	(12.704.952)
Giảm khác	(102.504.808)	27.836.471	-	(74.668.337)
Số dư cuối năm	122.360.000	545.482.157	3.093.056	670.935.213
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	764.525.136	774.170.312	-	1.538.695.448
Số dư cuối năm	841.346.400	543.017.843	52.581.944	1.436.946.187

11. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 trình bày lại VNĐ
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.912.480.709	746.971.192
Lãi, phí phải thu	166.802.651	50.789.400
Các khoản phải thu	3.411.754.783	3.136.231.605
Thuế phải thu	114.711.408	114.711.408
Tài sản Có khác	1.140.867.974	812.369.277
	6.746.617.525	4.861.072.882

11.1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Trụ sở chi nhánh Phúc Yên	1.050.693.596	161.426.792
Trụ sở chi nhánh Ý Yên	296.222.000	241.222.000
Trụ sở chi nhánh Bắc Ninh	171.970.000	-
Trụ sở chi nhánh Nghi Lộc	234.077.400	218.077.400
Trụ sở chi nhánh Tĩnh Gia	125.916.713	103.644.000
Trụ sở chi nhánh Sông Công	33.601.000	22.601.000
	1.912.480.709	746.971.192

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

11.2 Các khoản phải thu

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 trình bày lại VNĐ
Phải thu nội bộ	876.972.300	415.703.506
Phải thu bên ngoài	2.534.782.483	2.720.528.099
- Mua sắm tài sản cố định	2.138.730.000	2.138.730.000
- Khác	396.052.483	581.798.099
	3.411.754.783	3.136.231.605

11.3 Tài sản Có khác

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 trình bày lại VNĐ
Chi phí chờ phân bổ	891.161.232	638.575.326
Tài sản có khác	249.706.742	173.793.951
	1.140.867.974	812.369.277

12. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiết kiệm bắt buộc của thành viên	152.259.614.500	124.057.030.200
Tiết kiệm không kỳ hạn của thành viên	56.254.302.900	34.893.824.500
Tiết kiệm không kỳ hạn của khách hàng	72.807.000	388.130.800
Tiết kiệm gửi góp của thành viên	1.116.500.000	1.246.800.000
Tiết kiệm gửi góp của khách hàng	5.896.969.400	4.858.417.500
Tiết kiệm có kỳ hạn của thành viên	15.699.785.400	12.936.139.800
Tiết kiệm có kỳ hạn của khách hàng	46.983.341.500	34.183.142.800
Tiền gửi của Trung ương Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam	10.266.875.000	10.719.553.777
	288.550.195.700	223.283.039.377

Trong năm 2013, TYM chưa thực hiện tiền gửi dự trữ bắt buộc tại NHNN do NHNN chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tổ chức tài chính vi mô. TYM cũng chưa nhận được thông báo nào của Sở giao dịch NHNN Hà Nội về vấn đề trên.

13. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 trình bày lại VNĐ
Vốn vay dài hạn	134.989.246.505	160.840.226.549
Vốn tài trợ cho các mục đích chỉ định	8.159.330.719	8.759.327.169
	143.148.577.224	169.599.553.718

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY (tiếp theo)

13.1 Vốn vay dài hạn

Tổ chức	31/12/2013			31/12/2012		
	Dư nợ vay (đồng)	Lãi suất năm	Thời hạn	Dư nợ vay trình bày lại (đồng)	Lãi suất năm	Thời hạn
Vay các tổ chức, cá nhân trong nước						
Dự án Tín dụng Việt Bì	2.300.000.000	9,63%	36 tháng	6.860.000.000	9,60%	36 tháng
Dự án Quỹ tương trợ	-	-	-	6.500.000.000	8,0 - 9,5%	Không quy định
Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	-	-	-	10.000.000.000	8,0%	24 tháng
Ngân hàng BNP Paribas - chi nhánh Hồ Chí Minh	21.036.000.000	7,5%	12 tháng	-	-	12 tháng
	23.336.000.000			23.360.000.000		
Vay các tổ chức, cá nhân nước ngoài						
Vay từ cá nhân	-	-	-	-	-	-
- Joerg Teumer	-	-	-	250.000.000	8,0%	36 tháng
Vay từ các tổ chức						
- Cordaid	28.368.500.000	8,0% - 9,0%	36 - 60 tháng	23.765.100.000	8,0%	60 tháng
- Oiko Credit	8.387.622.222	8,75%	60 tháng	20.392.900.000	10,5% - 11,0%	60 tháng
- Oxfam Novib	-	-	-	10.874.110.600	11,0%	40 - 60 tháng
- Rabobank	17.584.851.168	8,0%	48 - 60 tháng	28.062.092.834	8,0%	48 - 60 tháng
- Whole Planet	10.408.000.000	0%	57 - 69 tháng	7.231.750.000	0%	57 - 72 tháng
- Triodos - Doen	40.535.250.000	10,0%	23 - 36 tháng	40.535.250.000	12,0%	23 - 36 tháng
- Living in Peace	6.369.023.115	7,0%	36 tháng	6.369.023.115	7,0%	36 tháng
	111.653.246.505			137.480.226.549		
Tổng cộng	134.989.246.505			160.840.226.549		

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY (tiếp theo)

13.2 Vốn tài trợ

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tài trợ từ dự án Đức	8.108.481.031	8.368.104.406
Tài trợ từ dự án Rabobank	50.849.688	9.125.295
Tài trợ từ dự án Cordaid	-	25.439.752
Tài trợ từ dự án ADA	-	24.572.154
Tài trợ từ dự án ACT	-	311.741.362
Tài trợ từ dự án Freedom Hunger	-	2.647.500
Tài trợ từ dự án khác	-	17.696.700
	8.159.330.719	8.759.327.169

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 trình bày lại VNĐ
Quỹ khen thưởng (*)	9.099.154.019	5.826.685.410
Quỹ phúc lợi (*)	7.035.294.235	4.405.725.853
Quỹ nghiên cứu khoa học	3.271.011.082	-
Nguồn vốn nhận viện trợ không hoàn lại	-	5.637.278.162
Quỹ tương trợ cán bộ hiện có	342.545.605	790.143.300
Quỹ tương trợ cán bộ cho vay	664.200.000	70.166.000
Phải trả quỹ tương trợ thành viên (**)	13.525.089.111	-
Phải trả cán bộ công nhân viên	1.445.229.689	4.683.316.968
Thuế phải trả	46.753.856	16.086.999
Phải trả khác	2.605.988.658	6.428.920.093
	38.035.266.255	27.858.322.785

(*) Chi tiết thay đổi quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi trong năm 2013 như sau:

	Quỹ khen thưởng VNĐ	Quỹ phúc lợi VNĐ
Số dư đầu năm	5.826.685.410	4.405.725.853
Trích lập trong năm	6.557.625.000	6.557.625.000
Sử dụng trong năm	(3.285.156.391)	(3.928.056.618)
Số dư cuối năm	9.099.154.019	7.035.294.235

(**) Trong năm 2013, quỹ tương trợ thành viên do không đủ điều kiện hoạt động độc lập theo biên bản làm việc của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước ngày 07 tháng 02 năm 2013 nên trong thời gian chờ các cấp có thẩm quyền quyết định, căn cứ vào tờ trình số 01 của Quỹ tương trợ được Tổng Giám đốc TYM phê duyệt, TYM tạm giữ hộ tài sản và nguồn vốn cầu quỹ.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Đơn vị: VNĐ		
	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm
	Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(114.711.408)	-	(114.711.408)
Thuế thu nhập cá nhân	16.086.999	400.321.580	(369.654.723) 46.753.856
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	(5.000.000) -
	(98.624.409)	405.321.580	(374.654.723) (67.957.552)

15.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo Thông tư số 116/2012/TT-BTC ngày 18 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn áp dụng thí điểm chính sách thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với Tổ chức tài chính quy mô nhỏ TNHH MTV Tình thương và Thông tư số 135/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 09 năm 2013 hướng dẫn áp dụng thí điểm chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức tài chính vi mô, TYM được áp dụng ưu đãi thuế như sau:

- Từ năm 2016, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 17% trong suốt thời gian hoạt động đối với phần thu nhập có được từ việc thực hiện hoạt động tài chính vi mô;
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập có được từ việc thực hiện hoạt động tài chính vi mô;
- Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ kỳ tính thuế năm 2012;
- Chính sách ưu đãi thuế thí điểm đối với TYM được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2012 đến khi Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực thi hành;
- Nguyên tắc, thủ tục miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 và các văn bản hướng dẫn.

Các báo cáo thuế của TYM sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế và được kê khai và quyết toán thuế riêng biệt. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của TYM và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của TYM được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

15.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 trình bày lại VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	36.576.312.536	31.798.123.628
Các khoản loại trừ khi tính thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	36.576.312.536	31.798.123.628
Tổng chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	(114.711.408)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	(114.711.408)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	(114.711.408)	(114.711.408)

Tổ chức Tài chính Ví mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN VÀ CÁC QUỸ

16.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn của TYM trong năm 2013 được thể hiện trong bảng dưới đây:

	<i>Vốn điều lệ</i>	<i>Vốn khác (*)</i>	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ khác</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Đơn vị: VNĐ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư tại ngày 01/01/2012	78.931.303.479	311.299.640	1.458.199.866	10.904.527.467	2.848.472.663	3.260.048.612	-	97.713.851.727	
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	31.798.123.628	31.798.123.628	
Trích lập quỹ trong năm	-	-	4.906.516.623	12.832.715.603	2.780.359.420	-	(20.519.591.646)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi nhân viên và quỹ thường Ban Điều hành năm 2012	-	-	-	-	-	-	(12.190.519.172)	(12.190.519.172)	
Nguồn FHI	158.592.400	-	-	-	-	-	-	-	158.592.400
Nguồn vốn bỗ sung từ chính phủ	50.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	50.000.000.000
Điều chỉnh quỹ bình ổn thu nhập về quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	3.137.406.453	(3.137.406.453)	-	-	-	
Tăng khác	-	-	-	-	(122.642.159)	-	-	-	(122.642.159)
Số dư tại ngày 31/12/2012, trình bày lại	78.931.303.479	50.469.892.040	6.364.716.489	23.737.243.070	8.766.238.536	-	(911.987.190)	167.357.406.424	
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	36.576.312.536	36.576.312.536	
Trích lập quỹ trong năm	-	-	1.785.606.508	16.936.507.525	3.571.213.015	-	(22.293.327.048)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi nhân viên và quỹ thường Ban Điều hành năm 2013	-	-	-	-	-	-	(13.418.803.106)	(13.418.803.106)	
Tăng vốn điều lệ theo quyết định của NHNN (*)	56.834.608.529	(50.469.892.040)	(6.364.716.489)	-	-	-	47.804.808	47.804.808	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại ngày 31/12/2013	135.765.912.008	-	1.785.606.508	40.673.750.595	12.337.451.551	-	-	190.562.720.662	

(*): Vốn khác bao gồm 50.000.000.000 đồng TYM được cấp bỗ sung vốn điều lệ và 469.892.040 đồng nguồn tài trợ của FHI cho dự án HIV (theo thoả thuận nguồn tài trợ trên sẽ được sử dụng để bỗ sung vốn điều lệ). Trong năm 2012, TYM chưa hoàn thành thủ tục tăng vốn, tuy nhiên trong năm 2013, TYM đã hoàn thành thủ tục tăng vốn theo Quyết định 1462 của NHNN ngày 28 tháng 06 năm 2013.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

16.2. Các quỹ của TYM

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 20 tháng 07 năm 2012, các tổ chức tín dụng phải trích lập quỹ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% mức vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% mức vốn điều lệ

TYM đã thực hiện trích lập các quỹ trên theo quy định cho năm 2013.

Ngoài ra, TYM đã trích lập các quỹ sau đây cho năm 2013 theo phần trăm lợi nhuận sau thuế sau khi đã trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ (lợi nhuận sau thuế còn lại).

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ đầu tư phát triển	50% lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính cộng với phần còn lại của lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập quỹ Quỹ khen thưởng phúc lợi	Không quy định
Quỹ khen thưởng phúc lợi	Ba (03) tháng lương thực hiện	Ba (03) tháng lương thực hiện

17. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm 2013 VNĐ	Năm 2012 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	3.928.226.654	2.150.238.429
Thu nhập lãi cho vay	130.457.610.600	120.424.980.100
Thu khác từ hoạt động tín dụng	34.809.900	46.952.368
	134.420.647.154	122.622.170.897

18. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm 2013 VNĐ	Năm 2012 trình bày lãi VNĐ
Trả lãi tiền gửi	10.057.443.848	8.457.314.748
Trả lãi tiền vay	11.482.733.315	17.032.213.441
Chi phí hoạt động tín dụng khác	535.558.671	511.844.783
	22.075.735.834	26.001.372.972

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2013 VNĐ	Năm 2012 trình bày lại VNĐ
Hoàn nhập quỹ Khoa học công nghệ năm trước	-	1.937.974.676
Kết chuyển nguồn vốn nhận viện trợ không hoàn lại vào thu nhập khác	5.637.278.162	-
Thu từ chênh lệch ngoại tệ	548.212.007	374.916.642
Thu nhập khác	803.281.522	34.086.461
	6.988.771.691	2.346.977.779

20. CHI PHÍ TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2013 VNĐ	Năm 2012 trình bày lại VNĐ
Phí quản lý trả Hội Phụ nữ	2.705.434.323	2.057.186.293
Chi phí tổ chức hội nghị	-	3.543.656.250
Chi phí khác	382.935.720	1.171.575.812
	3.088.370.043	6.772.418.355

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2013 VNĐ	Năm 2012 trình bày lại VNĐ
Chi phí thuế khác và phí	42.804.500	27.115.000
Chi vật liệu, giấy tờ in	786.587.532	661.750.128
Chi công tác phí	3.373.907.926	2.972.115.900
Chi đào tạo	4.725.202.443	4.088.186.863
Trích quỹ khoa học công nghệ	3.271.011.082	-
Chi phí thông tin liên lạc	820.485.317	826.053.937
Chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại	854.724.800	90.474.068
Chi phí quản lý chung	6.036.383.036	3.471.184.072
Chi sửa chữa và nâng cấp tài sản	272.787.385	315.339.235
Chi công cụ lao động và dụng cụ	2.274.707.429	796.807.026
Chi bảo hiểm tài sản của TYM	8.190.000	-
Thuê văn phòng	328.630.664	257.970.000
Các khoản chi phí khác	2.556.876.025	1.349.590.718
	25.352.298.139	14.856.586.947

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán sau đây:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt tại quỹ	2.574.234.153	1.634.139.794
Tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước	-	39.363.000.000
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	35.031.751.400	4.727.966.253
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn dưới 90 ngày	17.670.334.297	55.502.149.403
	55.276.319.850	101.227.255.450

23. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với TYM. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với TYM nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi TYM (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - ▶ có vốn góp vào TYM và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới TYM;
 - ▶ có quyền đồng kiểm soát TYM;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà TYM là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của TYM hoặc công ty mẹ;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Chi tiết giao dịch lớn với các bên liên quan trong năm 2013 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	VND
Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Chủ sở hữu	Phí quản lý	2.705.434.323
Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Chủ sở hữu	Tiền gửi của Hội tại TYM	10.266.875.000

Chi tiết nợ và cho vay các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu VND	(Phải trả) VND
Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Chủ sở hữu	Tiền gửi của Hội tại TYM	-	10.266.875.000

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động cho vay của TYM do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Các công cụ mà TYM sử dụng để quản lý rủi ro tín dụng:

Đối với hoạt động tín dụng: TYM kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà TYM có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi mục đích cho vay.

TYM đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

Đối với hoạt động đầu tư/tiền gửi trên thị trường liên ngân hàng: TYM kiểm soát và quản lý rủi ro bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư liên ngân hàng đối với từng đối tác cụ thể trên cơ sở phân tích, đánh giá của TYM về mức độ rủi ro của đối tác.

24.1 Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá trị của TYM bao gồm các khoản Nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư 15/2010/TT-NHNN; các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư 228/TT-BTC.

TYM đánh giá rằng TYM hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai gần.

24.2 Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, TYM không có các tài sản tài chính quá hạn nhưng không bị giảm giá.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

25.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là khả năng thu nhập hoặc giá trị tài sản của TYM bị ảnh hưởng khi lãi suất trên thị trường biến động.

Rủi ro lãi suất của TYM có thể xuất phát từ: Hoạt động huy động vốn và cho vay.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của TYM:

- ▶ Tiền mặt, các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định, tài sản có khác) và các khoản nợ khác được xếp loại khoản mục không chịu lãi.
- ▶ Tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng.
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi tại các TCTD; các khoản cho vay khách hàng; các khoản tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính.
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ uỷ thác đầu tư, cho vay dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của giao dịch do các giao dịch này có lãi suất cố định.

Chính sách lãi suất của TYM

Đối với hoạt động huy động vốn, lãi suất được xác định theo nguyên tắc thị trường, kết hợp với định hướng kinh doanh của Ban lãnh đạo, cân đối vốn của TYM và quy định của NHNN. Nguồn vốn huy động của TYM chủ yếu có thời hạn định lại lãi suất ngắn.

Đối với hoạt động cho vay, TYM quy định mức lãi suất cho vay trên nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý, trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, giá trị tài sản bảo đảm, lãi suất trên thị trường, đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của TYM.

Tổ chức Tài chính Vimedco TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

25.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Đơn vị: VNĐ

	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tài sản									
Tiền mặt tại quỹ	-	2.574.234.153	-	-	-	-	-	-	2.574.234.153
Tiền gửi tại các TCTD khác	-	-	35.031.751.400	17.670.334.297	-	-	-	-	52.702.085.697
Cho vay khách hàng (*)	200.053.000	-	3.496.870.000	16.110.387.000	110.481.223.000	394.758.888.000	76.900.037.000	1.120.000	601.948.578.000
Tài sản cố định	-	4.447.963.361	-	-	-	-	-	-	4.447.963.361
Tài sản Có khác	-	6.579.814.874	166.802.651	-	-	-	-	-	6.746.617.525
Tổng tài sản	200.053.000	13.602.012.388	38.695.424.051	33.780.721.297	110.481.223.000	394.758.888.000	76.900.037.000	1.120.000	668.419.478.736
Nợ phải trả									
Tiền gửi của khách hàng	-	-	57.211.918.181	66.882.110.809	37.357.938.562	107.640.032.518	19.457.912.238	283.392	288.550.195.700
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay	-	8.159.330.719	-	-	-	63.871.247.000	67.941.749.505	3.176.250.000	143.148.577.224
Các khoản nợ khác	-	37.988.512.399	5.235.722.445	-	-	-	-	-	43.224.234.844
Tổng nợ phải trả	-	46.147.843.118	62.447.640.626	66.882.110.809	37.357.938.562	171.511.279.518	87.399.661.743	3.176.533.392	474.923.007.768
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội bảng	200.053.000	(32.545.830.730)	(23.752.216.575)	(33.101.389.512)	73.123.284.438	223.247.608.482	(10.499.624.743)	(3.175.413.392)	193.496.470.968
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các Tài sản và công nợ (ròng)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	200.053.000	(32.545.830.730)	(23.752.216.575)	(33.101.389.512)	73.123.284.438	223.247.608.482	(10.499.624.743)	(3.175.413.392)	193.496.470.968

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

25.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

TYM được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Trong khi đó cơ cấu tài sản – nguồn vốn của TYM bao gồm một phần bằng ngoại tệ (bao gồm USD và EUR), do đó có thể phát sinh rủi ro tiền tệ.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Đơn vị: VNĐ			
	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	VNĐ	Tổng
Tài sản				
Tiền mặt tại quỹ	-	-	2.574.234.153	2.574.234.153
Tiền gửi tại các TCTD khác	56.779.979	3.939.884.399	48.705.421.319	52.702.085.697
Cho vay khách hàng (*)	-	-	601.948.578.000	601.948.578.000
Tài sản cố định	-	-	4.447.963.361	4.447.963.361
Tài sản Có khác	-	-	6.746.617.525	6.746.617.525
Tổng tài sản	56.779.979	3.939.884.399	664.422.814.358	668.419.478.736
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi của khách hàng	-	-	288.550.195.700	288.550.195.700
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay	-	-	143.148.577.224	143.148.577.224
Các khoản nợ khác	-	-	43.224.234.844	43.224.234.844
Vốn và các quỹ	-	-	190.562.720.662	190.562.720.662
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	-	-	665.485.728.430	665.485.728.430
Trạng thái tiền tệ nội bảng	56.779.979	3.939.884.399	(1.062.914.072)	2.933.750.306
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	56.779.979	3.939.884.399	(1.062.914.072)	2.933.750.306

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

25.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro TYM gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi TYM có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, TYM thực hiện huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của TYM. Đồng thời TYM có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. TYM cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tài trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của TYM:

- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn.
- ▶ Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng.
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản nợ khác được xếp loại theo thời gian đáo hạn thực tế của từng khoản nợ.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

25.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Quá hạn							Đơn vị: VNĐ
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt tại quỹ	-	-	2.574.234.153	-	-	-	-	2.574.234.153
Tiền gửi tại các TCTD khác	-	-	35.031.751.400	17.670.334.297	-	-	-	52.702.085.697
Cho vay khách hàng (*)	82.264.000	117.789.000	3.496.870.000	16.110.387.000	505.240.111.000	76.900.037.000	1.120.000	601.948.578.000
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	4.447.963.361	-	4.447.963.361
Tài sản Cố khác	-	-	166.802.651	2.528.604.165	-	-	4.051.210.709	6.746.617.525
Tổng tài sản	82.264.000	117.789.000	41.269.658.204	36.309.325.462	505.240.111.000	81.348.000.361	4.052.330.709	668.419.478.736
Nợ phải trả								
Tiền gửi của khách hàng	-	-	57.211.918.181	66.882.110.809	144.997.971.080	19.457.912.238	283.392	288.550.195.700
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay	-	-	-	-	63.871.247.000	67.941.749.505	11.335.580.719	143.148.577.224
Các khoản nợ khác	-	-	37.988.512.399	5.235.722.445	-	-	-	43.224.234.844
Tổng nợ phải trả	-	-	95.200.430.580	72.117.833.254	208.869.218.080	87.399.661.743	11.335.864.111	474.923.007.768
Mức chênh thanh khoản ròng	82.264.000	117.789.000	(53.930.772.376)	(35.808.507.792)	296.370.892.920	(6.051.661.382)	(7.283.533.402)	193.496.470.968

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CAM KẾT VỐN VÀ THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, TYM không có khoản cam kết vốn và thuê hoạt động không thể hủy ngang.

27. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của TYM vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của NHNN.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của TYM theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và các khoản phải thu.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

▪ *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

▪ *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của TYM theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư và các khoản phải trả.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.



Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, TYM hoặc có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

TYM sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

27.1 Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của TYM tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Kinh doanh	Giá trị ghi sổ			Đơn vị: VNĐ		
	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền mặt tại quỹ	-	-	-	2.574.234.153	2.574.234.153	2.574.234.153
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	-	52.702.085.697	-	-	52.702.085.697	(*)
Cho vay khách hàng	-	601.948.578.000	-	-	601.948.578.000	(*)
Tài sản tài chính khác	-	10.303.419.654	-	891.161.232	11.194.580.886	(*)
Tổng tài sản tài chính	-	664.954.083.351	-	3.465.395.385	668.419.478.736	
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	288.550.195.700	288.550.195.700	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	-	-	-	143.148.577.224	143.148.577.224	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	43.224.234.844	43.224.234.844	(*)
Tổng nợ phải trả tài chính	-	-	-	474.923.007.768	474.923.007.768	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và qui định cụ thể của NHNN và các cơ quan chức năng về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính năm trước đã được TYM phân loại lại và điều chỉnh cho phù hợp với cách trình bày của các báo cáo tài chính của năm nay như sau:

Trích từ bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	31/12/2013 Số đã báo cáo VNĐ	Điều chỉnh/Phân loại lãi VNĐ	31/12/2012 Trình bày lãi VNĐ	Ghi chú
Các khoản phải thu	3.467.499.291	530.414.914	3.997.914.205	(i)
Tài sản Có khác	1.342.784.191	(530.414.914)	812.369.277	(i)
Ảnh hưởng đối với tổng tài sản	593.909.761.772	-	593.909.761.772	
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	169.326.043.356	273.510.362	169.599.553.718	(ii)
Các khoản lãi, phí phải trả	5.172.962.640	638.476.828	5.811.439.468	(iii)
Các khoản phải trả và công nợ khác	22.221.044.623	5.637.278.162	27.858.322.785	(iv)
Ảnh hưởng đối với tổng nợ phải trả	-	6.549.265.352	-	
Nguồn vốn nhận viện trợ không hoàn lại	5.637.278.162	(5.637.278.162)	-	(iv)
Lỗ lũy kế	-	(911.987.190)	(911.987.190)	(v)
Ảnh hưởng đối với vốn chủ sở hữu	173.906.671.776	(6.549.265.352)	167.357.406.424	
Ảnh hưởng đối với tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	593.909.761.772	-	593.909.761.772	

- (i): Phân loại lại các khoản tạm ứng từ "Tài sản Có khác" sang "Các khoản phải thu";
- (ii): Điều chỉnh phần chi phí Front-end bị ghi nhận vào gốc vay của hợp đồng vay vốn Trioden;
- (iii): Điều chỉnh lãi vay của các tổ chức trong và ngoài nước;
- (iv): Phân loại lại nguồn vốn nhận viện trợ không hoàn lại từ vốn quỹ lên phải trả khác do chưa đủ điều kiện ghi nhận vốn quỹ;
- (v): Ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh lợi nhuận.

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Trích từ báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Năm 2012 Số đã báo cáo VNĐ	Điều chỉnh/ Phân loại lại VNĐ	Năm 2012 Trình bày lại VNĐ	Ghi chú
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(25.089.385.782)	(911.987.190)	(26.001.372.972)	(vi)
Chi phí hoạt động dịch vụ	-	(421.873.250)	(421.873.250)	(vii)
Thu nhập từ hoạt động khác	5.345.733.905	(2.998.756.126)	2.346.977.779	(viii)
Chi phí hoạt động khác	(12.313.144.787)	5.540.726.432	(6.772.418.355)	(ix)
Chi phí cho nhân viên	(47.649.932.917)	2.998.756.126	(44.651.176.791)	(viii)
Chi phí hoạt động khác	(9.737.733.765)	(5.118.853.182)	(14.856.586.947)	(x)
Ảnh hưởng đối với lợi nhuận sau thuế	32.710.110.818	(911.987.190)	31.798.123.628	

(vi): Ảnh hưởng của (ii) và (iii);

(vii): Phân loại lại một số chi phí từ "Chi phí hoạt động khác" lên "Chi phí hoạt động dịch vụ";

(viii): Phân loại lại phần giảm chi phí lương chưa chi hết từ "Thu nhập từ hoạt động khác" sang "Chi phí cho nhân viên";

(ix): Ảnh hưởng của các phân loại lại sau:

Nội dung	Chú thích	VND
Phân loại lại chi đào tạo huấn luyện cho thành viên từ "Chi phí hoạt động kinh doanh khác" sang "Chi phí hoạt động khác"	(ix.i)	2.715.995.782
Phân loại lại chi phí công tác viên từ "Chi phí hoạt động kinh doanh khác" sang "Chi phí hoạt động khác"	(ix.ii)	2.402.857.400
Phân loại lại một số chi phí từ "Chi phí hoạt động khác" lên "Chi phí hoạt động dịch vụ"	(vii)	421.873.250
		5.540.726.432

(x): Ảnh hưởng của (ix.i) và (ix.ii).

Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tình Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

30. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
USD	20.828	20.828
EUR	27.272	27.282

Người lập:

Bà Nguyễn Cẩm Ly
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Lan Hương
Trưởng phòng Kế hoạch và
Tài chính

Người phê duyệt:



Bà Dương Thị Ngọc Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

